

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/LĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đậu Thị Mỹ Long – Hiệu trưởng trường tiểu học An Hòa.
- Ông Huỳnh Phi Hồ - Cán bộ Liên đoàn lao động thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Nguyễn Minh Thi - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 06 năm 2024 về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-LĐ ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số B, đường C, Phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn U

Địa chỉ trụ sở: Lô 101/2+101/4, đường số C, Khu công nghiệp L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: 7, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2024).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B, H, phường Q, TP., tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T2 - chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H - Phó Chánh Văn

phòng **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ.** (Văn bản ủy quyền ngày 28/6/2024)

(Bà **T**, bà **Y**, bà **T1**, bà **H** có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai - Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:*

Vào tháng 12/2008, bà cho em gái là **Nguyễn Thị Y** mượn hồ sơ cá nhân gồm có: Chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch để đi làm và đóng bảo hiểm xã hội tại **Công ty Trách nhiệm hữu hạn U** (sau đây gọi tắt là **Công ty U**), địa chỉ tại: **Lô A+101/4, đường số C, Khu công nghiệp L (A), phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Lý do bà cho bà **Y** mượn hồ sơ cá nhân vì thời điểm đó điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, bà **Y** mong muốn ra ngoài làm để kiếm thêm thu nhập phụ giúp kinh tế cho gia đình, nhưng do lúc đó bà **Y** còn nhỏ tuổi chưa đủ điều kiện để vào công ty làm việc nên hỏi mượn hồ sơ của bà. Vì bà **Y** là em ruột của bà và cũng do thiếu hiểu biết, nên bà đã cho bà **Y** mượn hồ sơ cá nhân để xin việc làm. Theo đó, khoảng thời gian từ tháng 12/2008 - 02/2010, bà **Y** đã mượn hồ sơ cá nhân của bà làm việc tại **Công ty U** và được cấp sổ Bảo hiểm xã hội (sổ BHXH) mã số 4707179931 đứng tên **Nguyễn Thị T**.

Đến tháng 02/2010, bà **Y** chấm dứt hợp đồng lao động với **Công ty U** và không mượn hồ sơ cá nhân của bà để xin việc nữa. Sổ Bảo hiểm xã hội (sổ BHXH) mã số 4707179931 chưa lãnh trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời, từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2022, bà đã làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại **Công ty TNHH M** và được cấp sổ bảo hiểm xã hội mã số: 7508113285, đứng tên **Nguyễn Thị T**. Đến ngày 18/09/2023, bà làm thủ tục hưởng BHXH một lần tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng trên thông tin sổ bảo hiểm xã hội mã số 7508113285, thì phát hiện trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội với sổ BHXH mã số 4707179931 từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010.

Nhận thấy việc trùng thông tin sổ bảo hiểm xã hội như trên ảnh hưởng đến việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội của bà. Vì vậy, bà đã làm đơn trình bày lên **Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ** để được giải quyết. Vào ngày 18/09/2023, giữa bà, bà **Y** và đại diện **BHXH tỉnh Đ** đã có buổi làm việc. Theo biên bản làm việc ngày 18/09/2023, **BHXH tỉnh Đ** có ý kiến là bà **Nguyễn Thị Y** mượn hồ sơ của bà **Nguyễn Thị T** để giao kết hợp đồng lao động thuộc trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác, theo Công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của **Bộ L - T3** bình và Xã hội: "Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, như vậy đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc

vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự".

Do việc trùng lặp thông tin nêu trên dẫn đến ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà về các chế độ bảo hiểm xã hội. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết:

- Tuyên Hợp đồng lao động của bà Nguyễn Thị Y với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 (mượn tên Nguyễn Thị T) vô hiệu, vì hợp đồng này vi phạm nguyên tắc "Trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

- Hủy bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 của bà Nguyễn Thị Y tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U trong Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707179931 (đứng tên bà Nguyễn Thị T).

- Hủy sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707179931 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

Bà xác định việc bà cho em gái bà là bà Nguyễn Thị Y mượn giấy tờ tùy thân để ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U là lỗi của bà nên bà tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

*** Tại bản tự khai - Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:**

Bà là em gái ruột của bà Nguyễn Thị T, vào khoảng tháng 12 năm 2008 bà có mượn chứng minh nhân dân, sơ yếu lý lịch mang tên chị gái là Nguyễn Thị T để đi làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U, vì chưa đủ tuổi nên không thể ký hợp đồng lao động để đi làm, do đó vào khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 bà mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để đi làm ký kết hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U và tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 4707179331 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Sau khi bà nghỉ việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U thì công ty không trả sổ bảo hiểm cho bà và nói lý do không trả sổ là do bị trùng tên sổ bảo hiểm xã hội của bà Nguyễn Thị T, vì thời điểm này bà T cũng đang làm việc tại Công ty M1 và cũng được cấp sổ bảo hiểm. Do công ty trả lời như vậy nên bà không lấy lại được sổ bảo hiểm xã hội và cũng chưa lĩnh chợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp.

Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Y (dưới tên là Nguyễn Thị T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn U thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 vô hiệu, hủy bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và hủy sổ bảo hiểm đứng tên bà Nguyễn Thị T thì bà đồng ý. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T vì bà nhận thấy việc bà mượn sổ hồ sơ của bà Nguyễn Thị T để đi làm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U là vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động vì vậy bà đồng ý hoàn toàn đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Đối với số tiền bảo hiểm bà đã đóng từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 bà không có yêu cầu gì, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp

luật, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu.

*** Tại bản tự khai - Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn U (do bà Nguyễn Thị Diễm T1 đại diện theo ủy quyền) trình bày:**

Theo dữ liệu thông tin do cơ quan Bảo hiểm xã hội cung cấp thì bà Nguyễn Thị T có thời gian tham gia bảo hiểm ở Công ty trách nhiệm hữu hạn U từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010. Trong thời gian này bà Nguyễn Thị Y là người mượn hồ sơ (đứng tên là Nguyễn Thị T) gồm giấy khai sinh, chứng minh nhân dân số 186472494 để làm việc và tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty trách nhiệm hữu hạn U được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 4707179931, bà Nguyễn Thị T đi làm thủ tục bảo hiểm xã hội một lần tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ thì được thông báo có thời gian tham gia bảo hiểm bị trùng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn U. Hiện nay bà Nguyễn Thị Y đã nghỉ việc tại công ty từ tháng 02/2010, các giấy tờ liên quan đến hợp đồng lao động của bà Nguyễn Thị Y (mượn tên Nguyễn Thị T) hiện Công ty không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án. Nay bà Nguyễn Thị T người cho bà Nguyễn Thị Y mượn hồ sơ để làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn U yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, hủy bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và hủy sổ bảo hiểm đứng tên bà Nguyễn Thị T thì Công ty trách nhiệm hữu hạn U đồng ý và không có ý kiến gì. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Đ (do bà Đinh Thị Phương H đại diện theo ủy quyền) trình bày:**

Qua tra cứu dữ liệu của ngành Bảo hiểm xã hội, bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 19/09/1987, số CMND 186472494, số CCCD 040187033752. Hiện có 02 sổ BHXH (4707179931, 7508113285) có thời gian đóng BHXH trùng nhau, cụ thể như sau:

+ Mã số 4707179931: Tham gia tại Công ty TNHH N (TP ., Đồng Nai) từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2008 và tham gia tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U (TP ., Đồng Nai) từ 12/2008-02/2010.

+ Mã số 7508113285: Tham gia tại Công ty TNHH M1 (TP ., Đồng Nai) từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2022, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Ngày 18/09/2023, BHXH tỉnh Đ có làm việc với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Y ghi nhận về việc trùng thời gian đóng BHXH là do bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị Y mượn hồ sơ để đi làm và tham gia BHXH tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 (số BHXH mã số 4707179931).

Như vậy, Hợp đồng lao động ký giữa Nguyễn Thị T với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 thuộc trường hợp được

hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBOXH-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L: Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết Hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết Hợp đồng lao động, đây là trường hợp Hợp đồng vô hiệu toàn bộ và Tòa án nhân dân có thẩm quyền tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Y (dưới tên là Nguyễn Thị T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn U thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 vô hiệu; hủy bỏ thời gian tham gia BHXH từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 của bà Nguyễn Thị Y tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U trong sổ BHXH mã số 4707179931 đứng tên bà Nguyễn Thị T và hủy sổ BHXH mã số 4707179931 đứng tên bà Nguyễn Thị T, BHXH tỉnh Đ không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

* Ngày 27/9/2024 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nay bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị Y) giao kết hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U, thời gian làm việc từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 là vô hiệu. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý giao dịch dân sự của vô hiệu. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T; bị đơn bà Nguyễn Thị Y; Người đại diện của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn U; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Phương H đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn U, địa chỉ: Lô A+101/4, đường số C, KCN L, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và bà Nguyễn Thị Y yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự có căn cứ để xác định: Vào khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 bà Nguyễn Thị Y đã mượn hồ sơ cá nhân của chị gái là Nguyễn Thị T để giao kết hợp đồng lao động vào làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U dưới tên là Nguyễn Thị T. Do đó, bà Nguyễn Thị T sinh năm 1987; chứng minh nhân dân số: 186472494 và số căn cước công dân: 040187033752 địa chỉ thường trú: Xóm E, xã N, huyện Đ, tỉnh Nghệ An có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội với hai mã số là:

Mã số 4707179931: Tham gia tại Công ty TNHH N (TP ., Đồng Nai) từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2008 và tham gia tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U (TP ., Đồng Nai) từ 12/2008-02/2010 và mã số 7508113285 có quá trình tham gia tại Công ty TNHH M1 (TP ., Đồng Nai) từ tháng 05/2008 đến tháng 08/2022, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Hiện nay, bà T đang trực tiếp giữ sổ bảo hiểm xã hội mã số 7508113285. Đối với mã số bảo hiểm xã hội 4707179931 chỉ tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH N trong khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 03/2008, đối với khoảng thời gian tham gia BHXH tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U thì bà Y chưa được hưởng trợ cấp BHXH do thời điểm bà Y xin nghỉ việc Công ty chưa chốt được sổ bảo hiểm do phát hiện bị trùng tên sổ bảo hiểm xã hội với bà Nguyễn Thị T. Như vậy, có căn cứ để xác định được trong thời gian từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2010 người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U là bà Nguyễn Thị Y, không phải bà Nguyễn Thị T. Việc bà Y sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị Y) giao kết với Công ty Trách nhiệm hữu hạn U vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995.

[4] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 27/9/2024 bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà không

yêu cầu Tòa án tuyên Hủy bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 của bà Nguyễn Thị Y tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U trong Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707179931 (đứng tên bà Nguyễn Thị T) và hủy sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707179931 đứng tên bà Nguyễn Thị T nữa.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 136 và Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 1995

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn U và bà Nguyễn Thị Y về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn U thời gian làm việc từ tháng 10/2008 đến tháng 02/2010 là vô hiệu.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu Tòa án tuyên Hủy bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2010 của bà Nguyễn Thị Y tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn U trong Sổ bảo hiểm xã hội mã số 4707179931 (đứng tên bà Nguyễn Thị T) và hủy sổ bảo hiểm xã hội mã số

4707179931 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003917 ngày 23/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKS Biên Hòa(2)

-THA Dân sự (2)

-Đương sự (14)

-Lưu (6)

Đỗ Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa